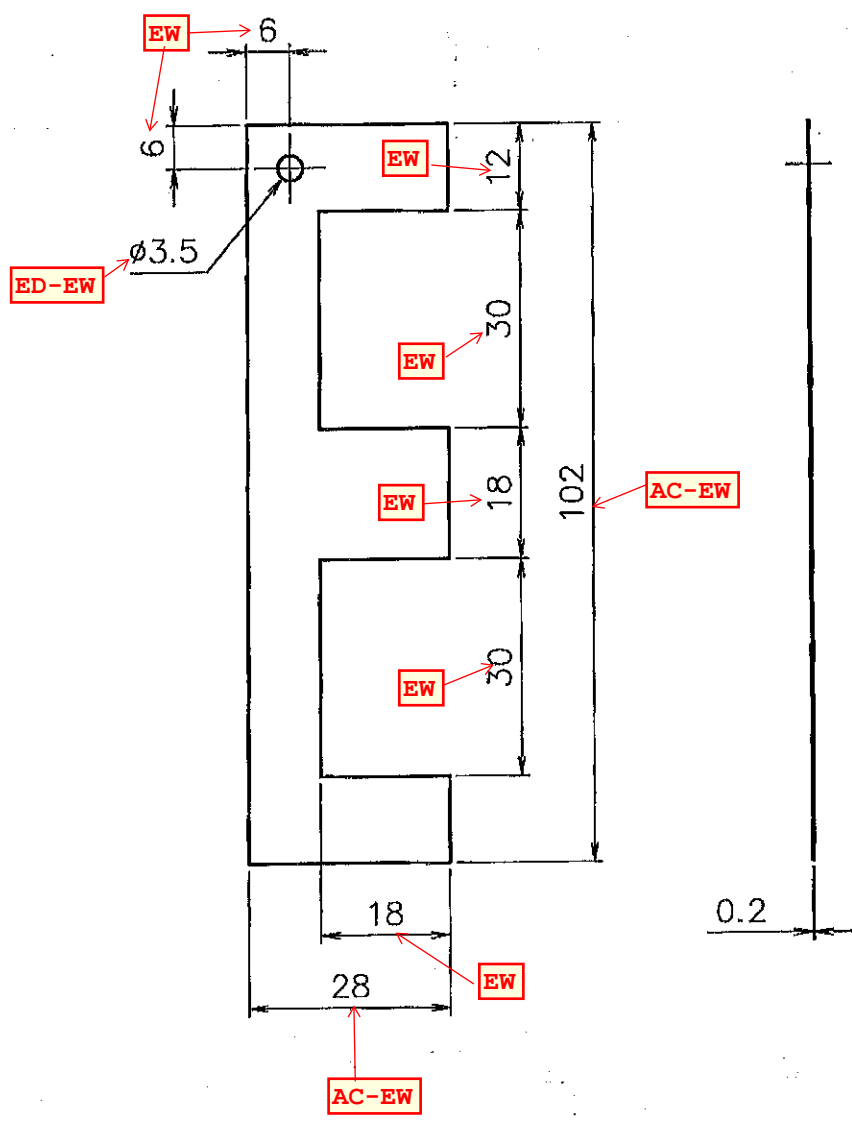


414 2021 12.001

Rev	日	付	記	事	擔	當	一般加工公差表示	
							0.5以上6以下	±0.1
							6~30	±0.2
							31~120	±0.3
							121~315	±0.5
							圖面上有公差時以圖面公差優先	

Đặt hàng tối thiểu 50 pcs
Trường hợp ít hơn hãy liên lạc phòng ban đặt hàng



部 品 名		材 質	數 量	設 備 名 稱		
調整墊片 (B)		SUS304	3	コミ足スポット機本体		
熱 處 理	表 面 處 理	檢 圖	設 計	製 圖	日 期	共通部品番號
HrC		卓曉龍	高木裕	曾女予沐	2006/07/07	
尺 度	第三圖面	S476949				訂正 REV
1:1 (/)	角法 番號	WE01-009M-04-1-449-JA\166782.dwg				

SNO: **S476949**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SUS T0.2*38*112	AC:2 ED:1 EW:3